

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/DS-PT
Ngày : 30 - 11 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hòa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 239/2023/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn X (tên thường gọi T), sinh năm 1977, nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Lôi Thị D, nơi cư trú: Số B, P, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy ủy quyền ngày 05/9/2023.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lương Văn H, sinh năm 1969.

2.2. Bà Đồng Thị Phương T1, sinh năm 1970

Cùng cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Ông Phan Hữu T2, nơi cư trú: Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2022.

3. Người kháng cáo: Ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 (Bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn X trình bày:

Ngày 19/5/2021, ông có ký hợp đồng xây dựng căn nhà kết cấu 01 trệt, 01 lầu cho vợ chồng ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1, tọa lạc tại khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, giá tiền công xây dựng 01 m² sàn = 1.300.000đ. Ông đã thi công các hạng mục gồm: tầng trệt 108m² x 1.300.000đ = 140.400.000đ, tầng lầu 104,8m² x 1.300.000đ = 136.240.000đ, đồ kèo 02 cây x 2.000.000đ = 4.000.000 đ, tiền công sửa lại mái nhà bị dột 4.000.000đ, tiền công sửa bếp là 700.000đ, làm hàng rào 19,5m x 600.000đồng = 11.700.000đ, lót gạch sân 3.000.000đ (nhưng phần này không tính tiền). Tổng các khoản tiền là 297.040.000đ nhưng vợ chồng ông H chỉ trả cho ông X 260.000.000đồng, số tiền còn lại là 37.040.000đồng thì không đồng ý trả.

Vợ chồng ông H cho rằng do mái nhà bị dột, xây sai hướng bếp, cửa bị bào chân nên không chịu trả cho ông X 37.040.000đồng còn lại, nhưng thực tế nhà bị dột là vợ chồng ông H sử dụng ngói cũ và sử dụng đòn tay bị công vênh mua của bà T3, còn hướng bếp thì ông H yêu cầu xây như thế nào ông X xây như thế đó, cửa bị bào chân là do ông Hòa mượn người ta đặt ống thoát nước máy lạnh cao hơn chân cửa, tuy ông X có góp ý đưa ống nước máy lạnh vào nhà vệ sinh nhưng ông H không đồng ý do vậy khi lót gạch thợ phải lót bằng với ống nước mới hợp lý nên cửa bào chân là tất nhiên. Các lỗi trên không phải do ông X, vật tư để xây dựng nhà đều do vợ chồng ông H cung cấp, ông X chỉ xây cất và tính tiền công.

Do đó, ông X khởi kiện yêu cầu ông H và bà T1 cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền công xây nhà còn nợ lại là 37.040.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 1%/tháng từ ngày 19/8/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

* Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 trình bày:

Ông, bà có thuê ông T xây nhà chứ không phải ông Nguyễn Văn X, ông H không biết ông X là ai. Hai bên có ký hợp đồng với tiền công xây dựng là 1.300.000đồng/m² sàn và các chi phí khác, hợp đồng được viết tay trên giấy tập, không phải tờ hợp đồng xây dựng nhà viết trên giấy A4 mà nguyên đơn nộp cho Tòa án, chữ ký trong văn bản này không phải do ông H ký nên ông yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông Lương Văn H trong tờ hợp đồng mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa.

Ông H đã trả tiền công xây dựng cho ông T nhiều lần tổng cộng bằng 260.000.000 đồng là hoàn thành nghĩa vụ trả tiền nên đã xé bỏ hợp đồng viết bằng giất tay, khi trả tiền không lập biên nhận. Nhà sau khi xây xong vô ở thì mái bị dột nên ông H có kêu ông T sửa nhưng ông T không sửa nên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau. Đòn tay và mái ngói đều mua mới không phải xài đồ cũ, việc ông T sửa lại hướng bếp là có và đã sửa xong. Do vợ chồng ông H đã trả đủ tiền xây nhà cho ông T nên nay không đồng ý trả thêm số tiền 37.040.000 đồng và lãi suất chậm trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Đồng Thị Phương T4 trình bày: phần mái nhà của ông H do bà T4 nhận làm, nhưng vì dịch bệnh công nhân của bà không đi làm được nên bà thuê ông T lợp mái nhà cho ông H luôn với tiền công là 12.000.000đ và bà đã trả tiền cho ông T xong. Tuy nhiên, mái nhà lợp xong vẫn bị dột mưa nên bà có kêu ông T sửa lại, việc ông T phải sửa lại mái nhà cho hết bị dột là chuyện đương nhiên, bà không phải trả thêm tiền công.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DS- ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X (T), buộc ông H và bà T1 cùng trả cho ông X (T) 43.192.000 đồng, trong đó gồm: tiền công xây dựng 37.040.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán: 6.125.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10/8/2023 ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông X buộc ông H và bà T1 trả tiền công xây dựng là 43.192.000 đồng, lý do: việc xây dựng nhà đã hoàn thành từ cuối tháng 11 năm 2021, khi bàn giao nhà thì ông H và bà T1 đã thanh toán tiền công xây dựng cho ông X tổng cộng 260.000.000đ là xong, đây là sự thỏa thuận giữa hai bên, ông H và bà T1 nhận nhà và sử dụng cho đến nay, ông X nói ông H và bà T1 còn nợ tiền công xây dựng nhà nhưng không có giấy nợ để chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H và bà T1 trình bày: Đối với diện tích sàn nhà 212,8m² tiền công xây dựng bằng 276.640.000đ, nhưng khi bàn giao nhà ông T chỉ lấy 260.000.000đ, còn lại 16.640.000đ ông T nói do tình hình dịch bệnh nên giảm bớt cho ông H, đối với khoản tiền công đố 2 cây kèo (4.000.000đ), sửa lại bếp (700.000đ), xây hàng rào (11.700.000đ) thì ông H đã trả cho ông T xong, làm xong đến đâu trả đến đó, nên khi bàn giao nhà là xem như đã thanh toán đủ tiền công nên không có lập biên bản về việc ông H còn nợ tiền công của T, đối với việc sửa lại mái nhà bị dột là trách nhiệm của ông H. Do đó,

ông H và bà T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiếp cho ông X số tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà T1, buộc ông H và bà T1 tiếp tục trả cho ông X tiền công xây dựng sàn nhà 16.640.000đ + đổ 02 cây kèo 4.000.000đ + sửa lại bếp 700.000đ + làm hàng rào 11.700.000đ = 33.040.000đ và chịu lãi chậm trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 28 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tuyên án sơ thẩm đến ngày 10 tháng 8 năm 2023 ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 thuê ông Nguyễn Văn X (tên thường gọi T) xây căn nhà một trệt một lầu và các hạng mục khác, toàn bộ nguyên vật liệu do ông H và bà T1 cung cấp, ông X chỉ gia công theo yêu cầu của ông H. Nhà xây xong đã bàn giao, nhưng ông X cho rằng ông H và bà T1 chưa thanh toán đủ tiền công nên khởi kiện yêu cầu ông H và bà T1 tiếp tục thanh toán khoản tiền công còn lại.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại Mục 11 Chương XVI Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng dịch vụ. Tòa án cấp sơ thẩm ghi trích yếu “Tranh chấp hợp đồng xây dựng phần tiền công xây dựng nhà” là chưa chính xác cần sửa lại phần trích yếu là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” cho đúng quy định.

[2] Về nội dung.

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất trình bày: năm 2021 ông H và bà T1 có thuê ông X (tên thường gọi T) xây dựng căn nhà kết cấu một trệt, một lầu cùng các hạng mục, tiền công xây dựng là 1.300.000đ/m² sàn, ông X xây nhà xong bàn giao nhà vào cuối tháng 11/2021, tổng diện tích đã xây dựng là 212,8m² sàn, ông H đã trả tiền công xây dựng cho ông X 260.000.000đ ông X đã nhận tiền xong, ngoài ra ông X còn thi công các hạng mục khác gồm: đổ 2 cây kèo

(tiền công 4.000.000đ), sửa lại bếp theo yêu cầu của ông H (tiền công 700.000đ), xây hàng rào 19,5m (tiền công 11.700.000đ), riêng phần mái nhà thì ông H và bà T1 mua vật liệu của bà T4 nên bà T4 chịu trách nhiệm phần mái nhà, tuy nhiên do không có nhân công nên bà T4 thuê ông X lợp nhà luôn, tiền công lợp nhà bà T4 đã trả cho ông X xong, khi vào ở mái nhà bị dột nên ông H có kêu ông X sửa lại và ông X đã sửa lại xong. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự do các đương sự đã thống nhất thừa nhận.

[2.2] Những công việc mà ông X (T) đã thực hiện theo thỏa thuận với ông H được ông H và bà T1 thừa nhận gồm: Xây 212,8m² sàn nhà tiền công bằng 276.640.000đ, đổ 02 cây kèo tiền công bằng 4.000.000đ, sửa lại bếp tiền công bằng 700.000đ, làm hàng rào tiền công bằng 11.700.000đ, tổng cộng tiền công bằng 293.040.000đ.

Theo quy định tại Điều 544 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “nghĩa vụ của bên đặt gia công là phải trả tiền công theo đúng thỏa thuận”. Như vậy, nghĩa vụ của ông H và bà T1 (bên đặt gia công) là phải đã trả đủ tiền công cho ông X (bên nhận gia công). Tổng khối lượng công việc ông X đã thực hiện tính ra bằng 293.040.000đ, nhưng ông H và bà T1 chỉ mới trả cho ông X 260.000.000đ, vậy còn lại 33.040.000đ thì ông H và bà T1 phải có nghĩa vụ trả tiếp. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông H và bà T1 tiếp tục trả thêm khoản tiền này cho ông X và chịu tiền lãi chậm thanh toán là đúng quy định.

Ý kiến của ông H và bà T1, cho rằng: số tiền xây sàn nhà 16.640.000đ ông X đã tự nguyện bớt cho ông H, tiền đổ 02 cây kèo 4.000.000đ, sửa lại bếp 700.000đ, làm hàng rào 11.700.000đ đều đã trả cho ông T xong trước khi bàn giao nhà. Song không xuất trình được chứng cứ để chứng minh.

[2.3] Riêng phần sửa lại mái nhà bị dột, ông X yêu cầu ông H và bà T1 trả tiền công cho ông 4.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Trong trường hợp này, ông H và bà T1 không thuê ông X lợp nhà, mà người thuê ông X lợp nhà cho ông H và bà T1 là bà T4 và bà T4 đã trả tiền công lợp nhà cho ông X xong.

Ông X là bên nhận gia công, vậy nghĩa vụ của ông là phải báo cho bà T4 (bên đặt gia công) biết việc bà cung cấp vật liệu cho ông không đạt chất lượng như: ngói cũ, đòn tay cong vênh có thể sẽ dẫn đến mái nhà bị dột và quyền của ông X là yêu cầu bà T4 phải thay đổi vật liệu khác để bảo đảm công trình thi công đạt chất lượng, nếu bà T4 không đồng ý thì ông X có quyền từ chối nhận gia công phần mái nhà. Tuy nhiên, trong trường hợp này ông X đã nhận lợp mái nhà cho vợ chồng ông H bằng vật liệu của bà T4 cung cấp thì phải có trách nhiệm sửa lại mái nhà cho hết dột. Ông X không có quyền yêu cầu ông H và bà T1 trả tiền công sửa chữa mái nhà.

Ý kiến của ông H và bà T1 không đồng ý trả cho ông X tiền công sửa lại mái nhà 4.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà T1, sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông H và bà T1 trả tiếp cho ông X tiền công xây dựng nhà và các hạng mục khác tổng cộng là 33.040.000đ và tiền lãi chậm thanh toán theo mức 0,83%/ tháng, tính từ đầu tháng 12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng, bằng 5.484.600đ, không chấp nhận yêu cầu của ông X về việc đòi ông H và bà T1 trả tiền công sửa lại mái nhà bằng 4.000.000đ.

[3] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên sửa lại tiền án phí sơ thẩm cho phù hợp. Buộc ông H và bà T1 chịu 1.926.200đ (38.524.600đ x 5%), buộc ông X 300.000đ.

[4] Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS- ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Áp dụng các các điều 468, 542, 544, 546, 547 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X (tên gọi khác T).

Buộc ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn X 38.524.600đ (ba mươi tám triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng, trong đó gồm: 33.040.000đ tiền công xây dựng và 5.484.600đ tiền lãi chậm thanh toán).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn X (tên gọi khác T) về việc đòi ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 trả tiền công sửa lại mái nhà 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

3. Về án phí

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 chịu 1.926.200đ (một triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn X chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 926.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012719 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Ông Nguyễn Văn X được hoàn lại 626.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lương Văn H1 và bà Đồng Thị P không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Hoàn trả ông Lương Văn H và bà Đồng Thị Phương T1 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo 02 biên lai thu số 0012232 ngày 20/10/2023 và số 0002019 ngày 11/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm như: Chi phí giám định không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết lại, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ HCTP TAND tỉnh VL;
- TAND TX Bình Minh;
- CCTHADS TX Bình Minh;
- Đương sự; Lưu hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Kim Chi